

Bản án số: 200/2017/DS-PT
Ngày 28-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán:

Ông Đoàn Hoài Trí

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xô - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **163/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Thành C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 236 L, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2016; có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Tuyết T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 505, đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Văn H, Luật sư của Văn phòng Luật sư G, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị Tuyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đỗ Thành C (do ông Huỳnh Văn L là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Do có quan hệ quen biết, đầu tháng 10/2015, ông C đã cho bà T vay số tiền là 700.000.000 đồng, giao tiền làm hai lần: Lần thứ nhất giao 400.000.000 đồng tại nhà của ông C và lần thứ hai là 300.000.000 đồng thông qua chuyển khoản ngày 26/10/2015. Khi vay tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ và bà T cũng không thế chấp tài sản cho ông C. Ngày 13/8/2016, bà T viết cho ông C 01 giấy mượn tiền xác nhận số tiền vay là 700.000.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán cho ông C vào ngày 15/8/2016. Từ thời điểm ngày 15/8/2016 đến nay, bà T chỉ trả cho ông C được 100.000.000 đồng, do đó ông C khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông C số tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Vũ Thị Tuyết T trình bày:

Khoảng năm 2015, bà T có vay của ông C số tiền là 700.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất vay và bà T cũng không thế chấp tài sản cho ông C, thời hạn trả tiền là ngày 15/8/2016. Nội dung giấy mượn tiền ngày 13/8/2016 do bà T viết, ký tên. Quá trình vay tiền, bà T đã trả được cho ông C 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng cho ông C; hiện nay bà T đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương nên chưa có điều kiện trả nợ cho ông C.

Bà T có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại Bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành C đối với bà Vũ Thị Tuyết T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà Vũ Thị Tuyết T có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Thành C số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; trách nhiệm chậm thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, bị đơn bà Vũ Thị Tuyết T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và không có văn bản rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có văn bản rút yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Sau khi tiếp xúc với bà T thì bà T cho biết bà T có vay tiền ông C nhưng bà T cùng với ông Trần Thanh T vay tiền của ông C; ông T là người nhận trực tiếp số tiền 400.000.000 đồng, số tiền 300.000.000 đồng sau này ông T cũng vay ông C thông qua bà T. Do bà T không suy nghĩ nhiều nên khi ông C yêu cầu thì bà T đã tự viết giấy xác nhận đã vay của ông C 700.000.000 đồng và đã trả nợ thay cho ông T số tiền 100.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, bà T không khai ông T vì bà T có tâm lý sợ khi đang bị giam, bà T chỉ nghĩ đơn giản bà T nhận nợ rồi sẽ từ từ trả.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có hộ khẩu thường trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (thuộc thị xã B) từ tháng 9/2016; tháng 12/2016 ông C khởi kiện, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh, không phải Tòa án nhân dân thành phố T. Nhà tại địa chỉ số 505, đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương bà T cũng đã bán từ năm 2006, bà T không sinh sống tại thành phố T (chồng bà T là ông Lâm Quang H hiện đang sinh sống ở địa chỉ khác tại phường P, thành phố T) nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bà T thừa nhận giấy mượn tiền ngày 13/8/2016 do bà T viết, ký tên; bà T thừa nhận có vay ông C 700.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T phải trả ông C số tiền 600.000.000 đồng, bà T kháng cáo nhưng yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng số tiền ông C cho vay thì ông Trần Thanh T nhận nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; địa chỉ số 505, đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương bà T không còn ở từ năm 2006, tuy nhiên giấy mượn tiền ngày 13/8/2016 thể hiện bà T đang ở thành phố T và Kết luận điều tra số 61/KLĐT-PC44 ngày 11/9/2017 của Công an tỉnh Bình Dương thể hiện bà T đang sinh sống tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông L (người đại diện theo ủy quyền của ông C) có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án (bút lục 13). Căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà T.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng bà T có hộ khẩu thường trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án không thuộc Tòa án nhân dân thành phố T, chứng cứ chứng minh là Kết luận điều tra số 61/KLĐT-PC44 ngày 11/9/2017 của Công an tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, giấy mượn tiền ngày 13/8/2016 do bà T viết thể hiện bà T đang ở tại địa chỉ số 505, đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Kết luận điều tra số 61/KLĐT-PC44 ngày 11/9/2017 của Công an tỉnh Bình Dương cũng thể hiện bà T mặc dù có hộ khẩu thường trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu mà sinh sống tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cũng thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm là hiện nay chồng bà T vẫn đang sinh sống tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Ông C trình bày khoảng đầu tháng 10/2015, ông C cho bà T vay số tiền 700.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Sau đó ngày 13/8/2016, bà T viết cho ông C 01 giấy mượn tiền xác nhận số tiền nợ là 700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn bà T trả nợ là ngày 15/8/2016. Đến nay, bà T chỉ mới trả ông C 100.000.000 đồng nên ông C khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn lại là 600.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai (bút lục 12) và biên bản ghi lời khai (bút lục 25, 26), bà T thừa nhận giấy mượn tiền ngày 13/8/2016 là do bà T lập và ký tên; bà T thừa nhận có vay ông C số tiền 700.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Sự thừa nhận của bà T là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng cùng mượn tiền của ông C còn có ông Trần Thanh T nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh rằng bà T và ông Trần Thanh T cùng vay số tiền 700.000.000 đồng của ông C.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T phải trả ông C số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và yêu cầu kháng cáo của bà T không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 93, 94, 95, khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Tuyết T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001486 ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tp. T;
- TAND tp. T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Đa